

QUY ĐỊNH

Điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định số 399-QĐ/TU ngày 27/8/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương thuộc hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh

- Căn cứ Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Căn cứ Quy định số 294-QĐ/TW ngày 26/5/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về thi hành Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Căn cứ Quy định số 366-QĐ/TW ngày 30/8/2025 của Bộ Chính trị về việc kiểm điểm và đánh giá, xếp loại chất lượng đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị;
- Căn cứ Quy định số 377-QĐ/TW ngày 08/10/2025 của Bộ Chính trị về phân cấp quản lý cán bộ và quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ;
- Căn cứ Kết luận số 198-KL/TW ngày 08/10/2025 Bộ Chính trị về chủ trương đánh giá đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý trong hệ thống chính trị;
- Căn cứ Nghị định số 335/2025/NĐ-CP ngày 21/12/2025 về đánh giá, xếp loại chất lượng đối với cơ quan hành chính nhà nước và công chức;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi khoá I, nhiệm kỳ 2025 - 2030;
- Căn cứ Quy định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phân cấp quản lý cán bộ và quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử, tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ;

Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định số 399-QĐ/TU ngày 27/8/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương thuộc hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh.

Điều 1. Điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định số 399-QĐ/TU ngày 27/8/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức và người lao động (viết tắt CBCCVC) tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương thuộc hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh, cụ thể:

1. Điều chỉnh, sửa đổi khoản 7, khoản 9, Điều 4 như sau:

1.1. Điều chỉnh, sửa đổi khoản 7 như sau:

Cán bộ, công chức và người lao động có thời gian công tác trong năm chưa đủ 06 tháng không xếp loại chất lượng, trừ trường hợp cán bộ, công chức và người lao động nghỉ việc riêng không hưởng lương nhưng bảo đảm thời gian làm việc từ 06 tháng trở lên; nghỉ ốm hoặc nghỉ thai sản theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội thì kết quả xếp loại chất lượng trong năm là kết quả xếp loại chất lượng của thời gian làm việc thực tế của năm đó.

1.2. Điều chỉnh, sửa đổi khoản 9 như sau:

CBCCVC bị xử lý kỷ luật đảng hoặc kỷ luật hành chính thì đánh giá, xếp loại chất lượng như sau:

a) CBCCVC bị xử lý kỷ luật đảng hoặc kỷ luật hành chính trong năm đánh giá do suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, vi phạm liên quan đến hoạt động công vụ thì xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ.

Trường hợp bị xử lý kỷ luật đảng và kỷ luật hành chính về cùng một hành vi vi phạm nhưng quyết định kỷ luật đảng và quyết định kỷ luật hành chính không có hiệu lực trong cùng năm đánh giá thì chỉ tính làm căn cứ để xếp loại chất lượng ở một năm đánh giá.

b) Trường hợp có hành vi vi phạm và chưa có quyết định xử lý kỷ luật của cấp có thẩm quyền nhưng đã được dùng làm căn cứ để xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ trong năm đánh giá thì quyết định xử lý kỷ luật ban hành sau năm đánh giá đối với hành vi vi phạm đó (nếu có) không tính làm căn cứ để xếp loại chất lượng ở năm có quyết định xử lý kỷ luật.

c) Trường hợp CBCCVC có khuyết điểm, vi phạm xảy ra ở tổ chức cũ nhưng bị xử lý kỷ luật và thi hành kỷ luật ở tổ chức mới chuyển đến thì tính vào kết quả đánh giá, xếp loại của tổ chức cũ.

d) Trường hợp CBCCVC có khuyết điểm, vi phạm xảy ra ở cả tổ chức cũ và tổ chức mới, bị xử lý kỷ luật và thi hành kỷ luật ở tổ chức cũ và tổ chức mới chuyển đến thì tính hình thức kỷ luật vào kết quả đánh giá, xếp loại theo thời điểm xác định hành vi vi phạm tại mỗi tổ chức.

2. Điều chỉnh, sửa đổi Điều 5 như sau:

“ Điều 5. Căn cứ đánh giá

1. Luật Cán bộ, công chức số 80/2025/QH ngày 24/6/2025.
2. Luật Viên chức ngày 15/11/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức ngày 25/11/2019.
3. Quy định số 366-QĐ/TW ngày 30/8/2025 của Bộ Chính trị về việc kiểm điểm và đánh giá, xếp loại chất lượng đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị.

4. Căn cứ Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức và Nghị định số 48/2023/NĐ-CP ngày 17/7/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức.

5. Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

6. Căn cứ Nghị định số 170/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.

7. Căn cứ Nghị định số 335/2025/NĐ-CP ngày 21/12/2025 của Chính phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng đối với cơ quan hành chính nhà nước và công chức.

8. Chức năng, nhiệm vụ, quy chế làm việc của cơ quan, đơn vị.

9. Bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

10. Kết quả thực hiện nhiệm vụ của CBCCVC theo kế hoạch, chương trình công tác trong quý và nhiệm vụ đột xuất được giao.

11. Kết quả theo dõi, đánh giá của lãnh đạo và kiểm tra, giám sát của cơ quan chức năng, phản ánh của các tổ chức, cá nhân đối với CBCCVC trong thực thi nhiệm vụ.

3. Điều chỉnh, sửa đổi Điều 9 như sau:

“Điều 9. Phương pháp xác định tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

1. Người đứng đầu cơ quan sử dụng CBCCVC hoặc người đứng đầu cơ quan trực tiếp sử dụng CBCCVC:

a) Thống kê hoặc tổ chức việc thống kê các nhiệm vụ gắn với sản phẩm/công việc đầu ra đã thực hiện trong 01 năm; trên cơ sở đó thực hiện việc rà soát, loại bỏ các nhiệm vụ gắn với sản phẩm/công việc trùng lặp, không rõ kết quả đầu ra (nếu có), phân loại tối đa thành 05 nhóm theo cấp độ phức tạp của vị trí việc làm, tổng hợp thành Danh mục nhiệm vụ gắn với sản phẩm/công việc của đơn vị mình (sau đây gọi tắt là Danh mục sản phẩm/công việc).

b) Trên cơ sở Danh mục sản phẩm/công việc tại điểm a khoản này, phân tích và đề xuất Đơn vị sản phẩm/công việc chuẩn của đơn vị mình.

c) Căn cứ Đơn vị sản phẩm/công việc chuẩn, đề xuất việc quy đổi nhiệm vụ gắn với sản phẩm/công việc đầu ra của đơn vị mình về đơn vị sản phẩm/công việc chuẩn, tổng hợp thành Danh mục sản phẩm/công việc quy đổi.

d) Gửi Danh mục sản phẩm/công việc, Đơn vị sản phẩm/công việc chuẩn và Danh mục sản phẩm/công việc quy đổi tới cơ quan tham mưu về tổ chức, cán bộ.

2. Cơ quan tham mưu về tổ chức, cán bộ của cơ quan quản lý CBCCVC:

Tổng hợp Danh mục sản phẩm/công việc, Đơn vị sản phẩm/công việc chuẩn, Danh mục sản phẩm/công việc quy đổi của các đơn vị thuộc, trực thuộc; rà soát, loại bỏ các sản phẩm/công việc trùng lặp; chuẩn hóa thành Danh mục sản phẩm/công việc, Đơn vị sản phẩm/công việc chuẩn, Danh mục sản phẩm/công việc quy đổi áp dụng chung cho cơ quan, trình người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý CBCCVC xem xét, quyết định.

3. Trường hợp phát sinh nhiệm vụ gắn với sản phẩm/công việc mới ngoài Danh mục sản phẩm/công việc đã được quyết định thì người đứng đầu cơ quan sử dụng CBCCVC hoặc người đứng đầu cơ quan trực tiếp sử dụng CBCCVC có trách nhiệm báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định để bổ sung cho phù hợp”.

4. Điều chỉnh, sửa đổi điểm b và c, Khoản 2, Điều 10 như sau:

4.1. Điều chỉnh, sửa đổi điểm b khoản 2 như sau:

“b) Chất lượng: Xác định bằng điểm tỷ lệ phần trăm (%) giữa số lượng sản phẩm hoàn thành đạt yêu cầu về chất lượng (đã được quy đổi ra sản phẩm chuẩn) so với số lượng sản phẩm được giao (hoặc định mức sản phẩm theo vị trí việc làm) trong kỳ theo dõi, đánh giá hằng tháng, hằng quý (đã được quy đổi ra sản phẩm chuẩn). Trường hợp có sai sót lớn về nội dung ảnh hưởng đến chất lượng của sản phẩm/công việc thì mỗi lần đánh giá chưa đạt bị trừ 25% điểm chất lượng của sản phẩm/công việc đó, trừ trường hợp sai sót do nguyên nhân khách quan được cấp có thẩm quyền xác nhận”.

4.2. Điều chỉnh, sửa đổi điểm c khoản 2 như sau:

“c) Tiến độ: Xác định bằng điểm tỷ lệ phần trăm (%) giữa số lượng sản phẩm hoàn thành đạt tiến độ trở lên (đã được quy đổi ra sản phẩm chuẩn) so với số lượng sản phẩm được giao (hoặc định mức sản phẩm theo vị trí việc làm) trong kỳ theo dõi, đánh giá (đã được quy đổi ra sản phẩm chuẩn). Trường hợp không bảo đảm đúng tiến độ thì mỗi lần chậm bị trừ 25% điểm tiến độ của sản phẩm/công việc đó, trừ trường hợp sai sót do nguyên nhân khách quan được cấp có thẩm quyền xác nhận.”

5. Điều chỉnh, sửa đổi điểm c khoản 3, Điều 12 như sau:

“c) Năng lực tập hợp, đoàn kết CBCCVC thuộc phạm vi quản lý:

Trường hợp đơn vị duy trì được môi trường làm việc đoàn kết, phối hợp hiệu quả giữa các cá nhân, bộ phận thì được tính đạt điểm tỷ lệ bằng 100%.

Trường hợp trong kỳ đánh giá phát sinh phản ánh, khiếu nại, kiến nghị về mâu thuẫn, mất đoàn kết nội bộ kéo dài thì được tính đạt điểm tỷ lệ bằng 50%”.

6. Điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Điều 14 như sau:

a) Kết quả theo dõi, đánh giá CBCCVC của tháng hoặc quý được xác định bằng tổng điểm tiêu chí chung và điểm tiêu chí kết quả thực hiện nhiệm vụ của CBCCVC.

$$\text{Điểm theo dõi, đánh giá của tháng hoặc quý} = \text{Điểm tiêu chí chung} + (\text{Điểm tiêu chí kết quả thực hiện nhiệm vụ} \times 70)$$

b) CBCCVC thực hiện tự đánh giá số điểm đạt được của tháng hoặc quý theo Mẫu số 01 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quy định này, gửi cấp có thẩm quyền theo dõi, đánh giá nhận xét, xác nhận.

c) Kết quả theo dõi, đánh giá hằng tháng hoặc quý được thông báo đến CBCCVC và gửi về bộ phận tham mưu về tổ chức, cán bộ của cơ quan có thẩm quyền theo dõi, xếp loại chất lượng CBCCVC để tổng hợp, phục vụ việc theo dõi, đánh giá theo quý (bằng điểm trung bình cộng của 03 tháng), 06 tháng (bằng điểm trung bình cộng của 06 tháng) và xếp loại chất lượng cuối năm (*bằng điểm trung bình cộng của 12 tháng, trừ trường hợp CBCCVC nghỉ việc riêng không hưởng lương nhưng bảo đảm thời gian làm việc từ 06 tháng trở lên; nghỉ ốm hoặc nghỉ thai sản theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội thì kết quả xếp loại chất lượng trong năm là kết quả xếp loại chất lượng của thời gian làm việc thực tế của năm đó*).

7. Điều chỉnh, bổ sung khoản 5 vào Điều 17 như sau:

“5. Tỷ lệ xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ:

a) Tỷ lệ CBCCVC xếp loại “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” không vượt quá 20% tổng số CBCCVC được xếp loại “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trong phạm vi cùng một cơ quan, tổ chức, đơn vị và trong từng nhóm CBCCVC có nhiệm vụ tương đồng.

b) Trường hợp tổ chức có thành tích xuất sắc, nổi trội, tạo sự chuyển biến tích cực, hoàn thành vượt kế hoạch các công việc được giao, mang lại giá trị, hiệu quả thiết thực thì cấp có thẩm quyền quyết định tỷ lệ CBCCVC hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ cao hơn quy định tại điểm a khoản này nhưng không vượt quá 25% tổng số CBCCVC được xếp loại “Hoàn thành tốt nhiệm vụ”.

8. Điều chỉnh, bổ sung khoản 7 vào Điều 18 như sau:

“7. CBCCVC đã được xếp loại chất lượng nhưng sau đó phát hiện có khuyết điểm, không bảo đảm quy định về mức xếp loại hoặc thiếu trung thực làm cho kết quả không chính xác thì người đứng đầu cơ quan quản lý CBCCVC ban hành quyết định xếp loại chất lượng mới thay thế quyết định đã ban hành trước đó.”

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Các cơ quan chuyên trách tham mưu giúp việc Tỉnh ủy; đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy (*trừ Đảng ủy Công an, Quân sự thực hiện theo ngành*); cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tỉnh ủy; các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; cấp ủy xã, phường, đặc khu có trách nhiệm:

- Tổ chức triển khai thực hiện việc theo dõi, đánh giá CBCCVC theo tháng hoặc quý, xếp loại chất lượng đối với CBCCVC trong phạm vi quản lý, bảo đảm đúng nguyên tắc, tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo các văn bản của Ban Thường vụ Tỉnh ủy hiện hành và Quy định này; chủ động nghiên cứu thêm phương pháp theo dõi, đánh giá CBCCVC phù hợp với đặc thù công việc, điều kiện cụ thể của cơ quan, tổ chức, đơn vị (nếu có).

- Kịp thời chỉ đạo rà soát, điều chỉnh, cập nhật Danh mục sản phẩm/công việc trong trường hợp có thay đổi về chức năng, nhiệm vụ, khối lượng công việc, vị trí việc làm.

- Quyết định đánh giá, xếp loại tỷ lệ “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” không vượt quá 20% tập thể, cá nhân “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” thuộc thẩm quyền quản lý. Trường hợp tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, nổi trội trong quý thì cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương và người đứng đầu quyết định tỷ lệ “hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” không quá 25% thuộc thẩm quyền xếp loại.

- Đề xuất mức xếp loại cá nhân thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, quyết định đánh giá, xếp loại không quá 20% (tính trên thành viên tập thể lãnh đạo, quản lý). Ban Tổ chức Tỉnh ủy xem xét, tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy lựa chọn cá nhân có thành tích công tác cống hiến để quyết định đánh giá, xếp loại “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” không quá 20% tổng số cá nhân được Ban Thường vụ Tỉnh ủy trực tiếp xếp loại. Trường hợp cá nhân có thành tích xuất sắc, nổi trội trong quý thì Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, quyết định tỷ lệ “hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” không quá 25% thuộc thẩm quyền xếp loại.

- Chịu trách nhiệm việc đề xuất mức đánh giá, xếp loại quý đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy trực tiếp đánh giá, xếp loại, hồ sơ đề nghị theo Mẫu tại Công văn số 109-CV/TU ngày 27/10/2025 và Mẫu tổng hợp đề nghị của cơ quan, đơn vị, địa phương theo Mẫu 1 tại Công văn số 370-CV/BTCTU ngày 26/11/2025 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy. Thời gian đề nghị trước ngày 15 của tháng cuối quý.

- Báo cáo kết quả đánh giá, xếp loại đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy ủy quyền đánh giá, xếp loại trước ngày 25 của tháng cuối quý.

2. Các nội dung khác về đánh giá, xếp loại CBCCVC không nêu trong Quy định 399, Quy định 182 và Quy định này thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn.

Trong quá trình thực hiện Quy định, nếu có vấn đề phát sinh, các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Ban Thường vụ Tỉnh ủy (*qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy*) để theo dõi và tham mưu điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với quy định và tình hình thực tiễn.

Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư (báo cáo),
- Ban Tổ chức Trung ương (báo cáo),
- Vụ Địa phương II, BTCTW (báo cáo),
- Các đồng chí UVBTVTU,
- Các cơ quan chuyên trách TMGV Tỉnh ủy,
- Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các đảng ủy xã, phường, đặc khu,
- Cơ quan Ủy ban MTTQVN tỉnh,
- Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh,
- VPTU: CVP, PCVP, các phòng trực thuộc,
- BTCTU: P.TCCB; P.TCĐ,ĐV,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**

U Huấn